TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA RÌ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HS-ST
Ngày 15 tháng 4 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Huấn và ông Nguyễn Mạnh Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa*:** Ông Nông Văn Thượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2025/TLST-HS, ngày 19 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 8 năm 1984, tại huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn N, xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Đ và bà Mạc Thị T; bị cáo có vợ là Luân Thuý H và 01 con (đã chết); tiền sự: Không; tiền án: 01. Tại bản án số 79/2022/HS-ST ngày 26/8/2022 Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2024. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/10/2024 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt tại phiên toà).

* Bị hại:

- Anh Hà Quốc V, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt);
- Ông Bế Văn H1, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);
- Bà Đàm Thị P, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm Đ, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);
- Anh Nguyễn Văn V1; sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn T nay là thôn Y, xã Y1, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

- Anh Nông Văn C1; sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn B nay là thôn B1, xã Q, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Bế Thị H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

- Ông Lương Văn D, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

- Anh Lục Văn Đ1, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt);

- Chị Lương Thị C2; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T nay là thôn Y, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 12/10/2024, Nguyễn Đức C đi xe khách từ thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đến xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, C vào quán của anh Hà Quốc V uống nước, hai người là anh em họ hàng xa có quen biết từ trước, tại đây C nhìn thấy một chiếc xe mô tô có chìa khoá xe đang cắm tại ổ khoá điện, dựng ở sân nhà anh V nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Lúc này anh V đang ở trong nhà, C hỏi mượn xe nói dối là để đi chở đồ thì được V tin tưởng đồng ý cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97B1-196.21 dựng ở sân nhà. Sau đó C điều khiển xe mô tô theo hướng đường Quốc lộ 279 đến chân đèo Cao Bắc thuộc xã B, huyện N vào quán sửa xe của anh Lục Văn Đ1 bán chiếc xe này, C nói dối là xe của C, bị mất giấy tờ. Đ1 nhất trí mua chiếc xe với số tiền 2.500.000 đồng. C cầm tiền đi xe khách xuống thành phố T tiêu dùng cá nhân hết số tiền này.

Trưa ngày 14/10/2024, C tiếp tục đi xe khách từ thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đến xã L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, C vào nhà của ông Bế Văn H1 để chơi, hai người là thông gia quen biết từ trước, tại đây C nhìn thấy một chiếc xe mô tô có chìa khoá xe đang cắm tại ổ khoá điện, dựng ở sân nhà ông H1 nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Sau khi lên nhà nói chuyện, uống nước được một lúc, C hỏi mượn xe nói dối là để đi chợ tại xã V mua thức ăn mang về nhà ông H1 nấu ăn tối thì được ông H1 tin tưởng đồng ý, cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97D1-001.68 dựng ở sân nhà. Sau đó ông H1 đi ra cửa xuống nhà trước, còn C đi sau thấy trên bàn uống nước có đặt một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Xiaomi Redmi9A của ông H1 thì C cầm chiếc điện thoại này cất giấu trên người không nói cho ai biết, rồi điều khiển xe mô tô đi khỏi nhà ông H1, theo hướng quốc lộ 3B đến khu vực phường T, thành phố T bán chiếc điện thoại của ông H1 được số tiền 400.000 đồng tại một cửa hàng sửa chữa điện thoại. Sau đó, C tiếp tục điều khiển xe mô tô của ông H1 đến khu vực cầu Gia Bẩy, thành phố T bán chiếc xe mô tô của ông H1 tại một cửa hàng sửa xe, nói dối là xe của C bị mất giấy tờ thì được một người đàn ông không rõ họ

tên, địa chỉ mua với số tiền 2.000.000 đồng và đã tiêu dùng cá nhân hết số tiền này.

Sau khi C mượn xe đi lâu không quay lại, anh V và ông H1 tìm nhiều lần nhưng không thấy, không liên lạc được với C. Ngày 25/10/2024, anh V và ông H1 trình báo sự việc đến cơ quan công an.

Ngày 26/10/2024, C được cơ quan công an triệu tập đến trụ sở Công an huyện N làm việc liên quan đến sự việc anh V và ông H1 trình báo. Quá trình làm việc tại trụ sở Công an huyện N, ngoài việc khai nhận được lấy xe của anh V, ông H1 đi bán như nêu trên, Nguyễn Đức C còn tự nguyện khai nhận bản thân là người nghiện ma tuý và trên người C đang cất giấu 01 gói ma tuý, sau đó C tự nguyện lấy ra từ trong túi áo khoác ngoài bên trái chiếc áo C đang mặc trên người một bao thuốc lá Thăng Long, bên trong có 01 gói nilon màu xanh chứa chất màu trắng dạng cục, lẫn bột. Cơ quan điều tra trích một lượng nhỏ chất màu trắng thử phản ứng nhanh với thuốc thử ma tuý (thuốc do Bộ Công an cấp), kết quả thuốc thử phản ứng chuyển từ màu trong suốt sang màu tím trùng với màu nhận biết của ma tuý (heroine). Hồi 09 giờ 35 phút ngày 26/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N lập biên bản tiếp nhận người phạm tội tự thú hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý đối với Nguyễn Đức C.

Hồi 10 giờ 01 phút cùng ngày 26/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành cân xác định khối lượng chất màu trắng dạng cục lẫn bột có trong 01 gói nilon màu xanh của Nguyễn Đức C giao nộp, kết quả số chất màu trắng dạng cục lẫn bột có khối lượng 0,043 gam (không phẩy không bốn ba gam), sau đó tiến hành niêm phong số ma tuý trong phong bì ký hiệu A1 để gửi trưng cầu giám định.

Hồi 12 giờ 30 phút ngày 26/10/2024, tại xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, anh Lục Văn Đ1 đã giao nộp cho cơ quan công an 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97B1-196.21 được anh Đ1 mua ngày 12/10/2024 với Nguyễn Đức C, sau khi mua xe anh Đ1 đã thay thế, sửa chữa một số bộ phận trên xe tổng giá trị thay thế, sửa chữa là 820.000 đồng (tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Hồi 15 giờ 00 phút ngày 26/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N khám xét khẩn cấp nơi ở và công trình phụ cận có liên quan của Nguyễn Đức C tại thôn N, xã Đ, huyện N. Qua khám xét không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại kết luận giám định số: 355/KL-KTHS ngày 01/11/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: Mẫu chất màu trắng dạng cục lẫn bột trong phong bì ký hiệu A1 gửi giám định là ma tuý, loại heroine, có tên khoa học là Diacetylmorphine được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma tuý và tiền chất. Mẫu chất màu trắng dạng cục lẫn bột trong phong bì ký hiệu A1 có khối lượng là 0,043 gam (không phẩy không bốn ba gam). Sau giám định, mẫu chất trong phong bì ký hiệu A1 còn lại 0,015 gam (không phẩy không một năm gam) cùng phong bì, bao gói cũ niêm phong vào phong bì mới ký hiệu T217 hoàn trả lại cho cơ quan trưng cầu.

Tại cơ quan điều tra, C khai nhận: Bản thân là người nghiện ma tuý, thu nhập không ổn định. Sáng ngày 25/10/2024, C đang đi bộ tại khu vực cầu Gia Bẩy, thành phố T thì gặp một người nam giới (không rõ họ tên, địa chỉ), C hỏi mua ma tuý với người này với số tiền 100.000 đồng thì được người này bán cho 01 gói ma tuý. Sau đó C đi vào bến xe khách thành phố T trích một phần ma tuý vừa mua được ra sử dụng, phần còn lại gói lại như ban đầu rồi cất giấu vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long cho vào túi áo đang mặc trên người rồi đi xe khách về huyện N. Ngày 26/10/2024, cơ quan công an triệu tập đến trụ sở Công an huyện N thì C có mang theo số ma tuý này trên người. Quá trình làm việc C tự nguyện khai nhận và giao nộp gói ma tuý mang theo trên người. Mục đích C mua ma tuý là để sử dụng cho bản thân.

Ngoài các hành vi nêu trên, tại cơ quan điều tra Nguyễn Đức C còn tự khai nhận vào tháng 9/2024 C có đến nhà một số người quen tại huyện C và thành phố B, tỉnh Bắc Kạn chơi, mượn xe mô tô sau đó mang đi bán. Quá trình điều tra xác định được các hành vi như sau:

Trưa ngày 06/9/2024, Nguyễn Đức C đi xe khách vào đến nhà ông Nông Văn C1 chơi, hai người có quen biết từ trước. Tại đây, C nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô dựng ở gầm sàn nhà ông C1 nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. C ngồi nói chuyện được một lúc thì hỏi mượn xe nói dối là để đi mua nước về uống, thì được ông C1 tin tưởng đồng ý, cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX, biển kiểm soát 97B1-146.35 dựng ở gầm sàn nhà, sau đó C điều khiển xe mô tô đến thành phố T để bán chiếc xe mô tô của ông C1 cho một người không quen biết với số tiền 700.000 đồng và đã tiêu dùng cá nhân hết số tiền này.

Chiều tối ngày 27/9/2024, C đi xe khách từ thành phố T đến nhà anh Nguyễn Văn V1 chơi do hai người có quen biết nhau từ trước khi cùng nhau đi làm thuê tại Thái Nguyên. C ngủ tại nhà anh V1 đến sáng ngày 28/9/2024, tại đây C nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô ở nhà anh V1 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này, C hỏi mượn xe nói dối là để đi về nhà tại xã Đ, huyện N ngày hôm sau sẽ trả lại thì được anh V1 tin tưởng đồng ý cho mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97B1-717.77. Sau đó C điều khiển xe mô tô đến thành phố T bán chiếc xe mô tô của anh V1 cho một người không quen biết với số tiền 6.000.000 đồng và đã tiêu dùng cá nhân hết số tiền này.

Buổi sáng một ngày vào tháng 9/2024, C đi xe khách từ thành phố T đến nhà anh Võ Thành V3 tại tổ 12, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn chơi, hai người có quen biết từ trước, nhưng anh V3 không ở nhà, chỉ có bà Đàm Thị P là mẹ vợ anh V3 ở nhà. Đến buổi chiều cùng ngày, C nhìn thấy một chiếc xe mô tô ở nhà anh V3 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này, C hỏi bà P mượn xe nói dối là để đi về nhà tại xã Đ, huyện N ngày hôm sau sẽ trả lại thì được bà P tin tưởng đồng ý, do bà đã quen biết C từ trước khi C làm ở gần nhà, sau đó bà P cho C mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Ultimo, biển kiểm soát 97F9-1725, C điều khiển xe mô tô đến thành phố T bán chiếc xe mô tô của bà P cho một người không quen biết với số tiền 800.000 đồng và đã tiêu dùng cá nhân hết số tiền này.

Tại kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐGTS ngày 04/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N và tại biên bản làm việc ngày 21/11/2024 về việc làm rõ nội dung kết luận định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận giá trị các tài sản thời điểm xảy ra vụ việc tháng 10/2024: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97B1-196.21 giá trị 9.333.333 đồng; giá trị không bao gồm các bộ phận bị thay thế, sửa chữa sau ngày 12/10/2024; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97D1-001.68 giá trị 13.666.667 đồng; điện thoại di động màn hình cảm ứng Xiaomi Redmi 9A giá trị 766.667 đồng. Tổng giá trị tài sản là 23.766.667 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số: 25/KL-HĐĐGTS ngày 10/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận giá trị các tài sản thời điểm xảy ra vụ việc tháng 9/2024: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 97B1-146.35 trị giá 6.666.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 97B1-717.77 trị giá 11.000.000 đồng; xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Mio Ultimo biển kiểm soát 97F9-1725 trị giá 3.666.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 21.332.000 đồng.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T217, bên trong có 0,015g (không phẩy không một năm gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ hoàn trả lại sau giám định.

- 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có một mảnh nilon màu xanh, một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Bế Văn H1, Nông Văn C1, Nguyễn Văn V1, Đàm Thị P yêu cầu Nguyễn Đức C bồi thường thiệt hại tài sản bằng số tiền nêu trong kết luận định giá tài sản; bị hại Hà Quốc V yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô đang bị tạm giữ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số 3.320.000 đồng gồm tiền đã mua xe và tiền sửa chữa, thay thế một số bộ phận của xe.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKSNR ngày 18/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn truy tố Nguyễn Đức C về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Bị hại Hà Quốc V xin được trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21 và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại Bế Văn H1 vắng mặt tại phiên toà, tại đơn xin xét xử vắng mặt ông H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe và chiếc điện thoại với tổng số tiền là 14.433.334 đồng theo kết luận định giá tài sản; về trách nhiệm

hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Bị hại Nông Văn C1 vắng mặt tại phiên toà, tại đơn xin xét xử vắng mặt ông Nông Văn C1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe với số tiền 6.666.000 đồng theo kết luận định giá tài sản và không có yêu cầu gì thêm; về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại Đàm Thị P vắng mặt tại phiên toà, tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Phượng không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe đã chiếm đoạt; về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị hại Nguyễn Văn V1 vắng mặt tại phiên toà, tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn V1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị chiếc xe với số tiền 11.000.000 đồng theo kết luận định giá tài sản, về trách nhiệm hình sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với chiếc mũ bảo hiểm để trên xe mô tô khi C lấy xe đi anh V1 không yêu cầu định giá và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ngoài ra, anh V1 không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị C2 vắng mặt tại phiên toà, tại đơn xin xét xử vắng mặt chị C2 đề nghị bị cáo bồi thường cho anh V1 giá trị chiếc xe số tiền 11.000.000 đồng theo kết luận định giá tài sản. Đối với chiếc mũ bảo hiểm để trên xe mô tô khi C lấy xe đi chị C2 không yêu cầu định giá và không yêu cầu bồi thường. Ngoài ra, chị C2 không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn D vắng mặt tại phiên toà. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông D trình bày chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-717.77 ông đã cho vợ chồng con gái là anh Nguyễn Văn V1, chị Lương Thị C2, hiện thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh V1, chị C2 nên ông D không có đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bế Thị H2 vắng mặt tại phiên toà. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị H2 trình bày chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-001.68 chị đã cho bố là ông Bế Văn H1, hiện thuộc sở hữu của ông H1 nên chị Hà không có đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lục Văn Đ1 trình bày khi mua xe mô tô biển kiểm soát 97B1-196.21 anh Đ1 không biết nguồn gốc của chiếc xe, anh Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua xe là 2.500.000 đồng. Đối với số tiền sửa chữa, thay thế các bộ phận của xe là 820.000 đồng anh Đ1 và anh V đã tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, anh Đ1 không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức C từ 15 đến 21 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng Điều 55 BLHS buộc bị cáo phải chịu hình phạt của cả hai tội danh.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T217, bên trong có 0,015g (không phẩy không một năm gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) mảnh nilon màu xanh không xác định hình dạng, (01) một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Hà Quốc V 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21, số máy: HC12E3293078, số khung: RLHHC1206BY493054.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Đức C bồi thường thiệt hại cho ông Bế Văn H1 số tiền 14.433.334 đồng (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng); bồi thường thiệt hại cho anh Nông Văn C1 số tiền 6.666.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn V1 số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng); trả lại cho anh Lục Văn Đ1 số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Đàm Thị P không yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo gửi lời xin lỗi đến các bị hại. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình, hoà nhập cộng đồng, làm việc để bồi thường cho các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, các bị hại Bế Văn H1, Nông Văn

C1, Đàm Thị P, Nguyễn Văn V1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị C2, Bế Thị H2, Lương Văn D vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 09 giờ 35 phút ngày 26/10/2024, tại trụ sở Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Nguyễn Đức C đã tự thú khai báo hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bản thân. Theo đó, Nguyễn Đức C đã có hành vi cất giấu trái phép 01 (một) gói ma tuý, loại heroin (heroine), có khối lượng 0,043 gam (không phẩy không bốn ba gam) trong túi áo khoác ngoài bên trái chiếc áo C đang mặc trên người, mục đích tàng trữ là để sử dụng cho bản thân. Khối lượng ma tuý C tàng trữ dưới 0,1 gam nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo bản án số 79/2022/HS-ST ngày 26/8/2022 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, bị cáo chấp hành xong hình phạt vào ngày 21/01/2024, tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa được xoá án tích. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS.

Trong thời gian tháng 9 và tháng 10 năm 2024, tại các huyện C, N và thành phố B, Nguyễn Đức C lợi dụng sự quen biết từ trước với Hà Quốc V, Bế Văn H1, Nông Văn C1, Nguyễn Văn V1 và Đàm Thị P, C đến nhà những người này đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt 05 (năm) chiếc xe mô tô bán được tổng số tiền 12.000.000 đồng. Giá trị tài sản mỗi lần bị C chiếm đoạt từ 3.666.000 đồng đến 13.666.667 đồng; tài sản bị chiếm đoạt 05 lần có tổng giá trị là 44.332.000 đồng. Bị cáo là lao động tự do, từ tháng 8 năm 2024, bị cáo không tham gia lao động sản xuất tại nhà, không có việc làm, cố ý thực hiện năm lần cùng một hành vi phạm tội, cả năm lần thực hiện hành vi đều cấu thành tội phạm và lấy số tiền chiếm đoạt được từ năm lần phạm tội để có nguồn thu nhập và là nguồn sống chính cho bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 BLHS.

[4]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma tuý; xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương và đều thuộc trường hợp nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[5]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 26/8/2022, bị cáo bị xử phạt 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý theo bản án số 79/2022/HS-ST của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, ngày 21/01/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xoá án tích. Ngày 07/01/2025, bị xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-XPVPHC của Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Ngày 25/3/2025, bị Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự tại bản án số 21/2025/HS-ST. Ngày 27/3/2025, bị Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự tại bản án số 67/2025/HS-ST.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với tội tàng trữ trái phép chất ma tuý. Bị cáo đã bị kết án, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại các điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của mình và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với cả hai tội danh.

[6]. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và quy định của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người nghiện ma tuý. Mặc dù trước đó đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, không có ý thức tu dưỡng, rèn luyện. Vì để thoả mãn nhu cầu của bản thân, muốn có tiền tiêu xài nhưng lại lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, với các hành vi phạm tội của bị cáo phải bị xử phạt nghiêm minh, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm đảm bảo việc cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa chung đối với toàn xã hội. Bị cáo thực hiện hai hành vi khác nhau cấu thành hai tội độc lập nên cần áp dụng Điều 55 BLHS để tổng hợp hình phạt hai tội đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 249 BLHS và khoản 5 Điều 174 BLHS. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là lao động tự do, là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Hà Quốc V yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô đang bị tạm giữ

và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy bị hại Hà Quốc V là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 97B1 -196.21 nên cần trả lại chiếc xe mô tô cho anh V.

Bị hại Bế Văn H1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản với tổng số tiền 14.433.334 đồng trong đó giá trị xe máy là 13.666.667 đồng và giá trị chiếc điện thoại là 766.667 đồng. Các bị hại Nông Văn C1, Nguyễn Văn V1 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại giá trị tài sản theo kết luận định giá tài sản với số tiền lần lượt là: 6.666.000 đồng; 11.000.000 đồng. Bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lục Văn Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền mua xe là 2.500.000 đồng. Bị cáo nhất trí trả lại số tiền 2.500.000 đồng cho anh Đ1. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại, trả lại số tiền mua xe cho anh Đ1 là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần được ghi nhận. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho ông Bế Văn H1 số tiền 14.433.334 đồng; bồi thường thiệt hại cho anh Nông Văn C1 số tiền 6.666.000 đồng và bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn V1 số tiền 11.000.000 đồng; trả lại cho anh Lục Văn Đ1 số tiền 2.500.000 đồng.

Bị hại Đàm Thị P tại cơ quan điều tra yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt là 3.666.000 đồng theo kết luận định giá tài sản. Tuy nhiên, tại đơn xin xét xử vắng mặt, bà P không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nguyễn Đức C khai nhận khi mượn xe mô tô của anh Nguyễn Văn V1 trên xe có 01 mũ bảo hiểm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại đơn xin xét xử vắng mặt anh V1 và chị C2 không yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc mũ bảo hiểm và không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại đối với chiếc mũ bảo hiểm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 820.000 đồng là số tiền anh Lục Văn Đ1 sửa chữa, thay thế một số bộ phận của xe mô tô Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21 anh Đ1 và bị hại Hà Quốc V đã tự thoả thuận, anh Đ1 không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết, anh V không yêu cầu gì đối với bị cáo về số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T217, bên trong có 0,015g (không phẩy không một năm gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ hoàn trả lại sau giám định và 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có một mảnh nilon màu xanh, một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng là những vật chứng không có giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu huỷ.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Hà Quốc V.

[9]. Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi Nguyễn Đức C trộm cắp một chiếc điện thoại của ông Bế Văn H1 ngày 14/10/2024, giá trị chiếc điện thoại chưa đủ mức truy cứu trách nhiệm hình sự, trước khi thực hiện hành vi C chưa có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra đã chuyển tài liệu có liên quan

đến Công an huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền là có căn cứ.

Đối với người nam giới không rõ họ tên, địa chỉ đã bán ma tuý cho C ngày 25/10/2024 tại thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ của người nam giới này, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra làm rõ, xử lý.

Đối với anh Lục Văn Đ1, khi mua xe mô tô ngày 12/10/2024 của C mang đến bán, anh Đ1 không biết chiếc xe do phạm tội mà có, không hứa hẹn trước với C về việc mua bán xe, khi biết nội dung sự việc anh Đ1 đã giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan Công an, Cơ quan điều tra không có căn cứ xem xét xử lý.

Đối với những người đã mua các xe mô tô, điện thoại của C mang đến bán tại thành phố Thái N, tỉnh Thái Nguyên. Theo lời khai của C, C không quen biết, không hứa hẹn trước với những người này về việc mua bán xe, điện thoại. Quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ của những người này nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ điều tra làm rõ, xử lý.

Trong quá trình điều tra còn xác định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đang thụ lý giải quyết một vụ án khác đối với Nguyễn Đức C về tội trộm cắp tài sản theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xem xét, giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Nguyễn Đức C còn khai nhận trong tháng 10 năm 2024, C có đến nhà người quen tại huyện P và huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mượn hai xe mô tô sau đó đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, Cơ quan điều tra đã có văn bản thông báo đến Công an huyện P và Công an huyện Đ xem xét, thụ lý giải quyết trong vụ việc khác theo thẩm quyền là phù hợp.

[10]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11]. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2]. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 174; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo 03 (ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Nguyễn Đức C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/10/2024).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đức C 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đức C.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Đức C bồi thường thiệt hại cho ông Bế Văn H1 số tiền 14.433.334 đồng (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng); bồi thường thiệt hại cho anh Nông Văn C1 số tiền 6.666.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn V1 số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng); trả lại cho anh Lục Văn Đ1 số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu T217, bên trong có 0,015g (không phẩy không một năm gam) ma tuý cùng phong bì, bao gói cũ.

+ 01 (một) phong bì niêm phong ký hiệu A2, bên trong có 01 (một) mảnh nilon màu xanh không xác định hình dạng, (01) một vỏ bao thuốc lá Thăng Long đã qua sử dụng.

- Trả lại cho anh Hà Quốc V 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển kiểm soát 97B1-196.21, số máy: HC12E3293078, số khung: RLHHC1206BY493054.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20/02/2025 giữa Công an huyện N với Chi cục thi hành án dân sự huyện N)

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự cho bị cáo Nguyễn Đức C.

[6]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại Hà Quốc V có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn Đ1 có quyền kháng cáo bản án phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ

ngày tuyên án. Các bị hại Bế Văn H1, Nông Văn C1, Đàm Thị P, Nguyễn Văn V1 có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Văn D, Lương Thị C2, Bế Thị H2 có quyền kháng cáo bản án phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Na Rì;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- TA tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- NCQLNVLQ;
- THADS Na Rì;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bắc Kạn;
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Bắc Kạn;
- CQTHAHS CA tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tạ Huyền Trang